TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-PT
Ngày 14 - 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Hùng

Các Thẩm phán: 1. Bà Lý Thị Lệ Thủy.

2. Ông Phạm Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Hùng Cường - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Thị M, sinh năm 1977 tại Long An; nơi đăng ký thường trú: ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; tạm trú: tổ 8, ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Thắng (đã chết) và bà Trà Thị Giây; chồng: Lê Văn Tèo, sinh năm 1973 và 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 21/8/2020 đến ngày 30/8/2020 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, các bị cáo khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2020, Công an xã Hòa Long kiểm tra hành

chính tại ấp Nam, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phát hiện điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 M đen, gắn sim số 0798618190 và số 0784501397 của Trần Thị M, trong hộp tin nhắn có nội dung đánh bạc dưới hình thức ghi số đề. Qua điều tra Trần Thị M khai có nhận ghi phơi đề với Đặng Thị H (lưu trong tin nhắn bà M tên Hong94) số điện thoại 0386120194; Nguyễn Ngọc Châu (lưu là Ngoc 42) số điện thoại 0818933842; "Thuy 39" (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi nhận ghi đề với Hồng, Châu, Thuy39, M chuyển tin nhắn ghi đề cho Trần Đức Duy số điện thoại 0799640812.

Cách thức đánh đề như sau: khách mua số rồi căn cứ vào kết quả xổ số các đài miền Nam hoặc đài miền Bắc hàng ngày để xác định thắng thua. Người chơi lựa chọn hình thức mua số gồm: đánh đầu đuôi hai con số, căn cứ kết quả xổ số hai số cuối của giải đặc biệt và giải tám đài miền Nam, giải đặc biệt và giải bảy đài miền Bắc; đánh bao lô hai số, so với kết quả xổ số hai con số cuối của 18 dãy số của đài miền Nam, 27 dãy số của đài miền Bắc; đánh bao lô ba số, so với ba số cuối của 17 dãy số từ giải bảy đài miền Nam, 23 dãy số của đài miền Bắc; đánh xỉu chủ, so kết quả với ba con số trong giải bảy và ba con số cuối trong giải đặc biệt đài miền Nam, so với ba con số trong giải sáu và ba con số cuối trong giải đặc biệt đài miền Bắc; đá 2 cặp số, so với kết quả xổ số của tất cả các giải đài miền Bắc và đài miền Nam.

Tỷ lệ thắng thua:

Đối với đài miền Nam: đánh "đầu đuôi" và "bao lô hai số", tỷ lệ thắng thua là 1/70, tức là khách mua một số 1.000 đồng, nếu trúng thì được 70.000 đồng, nếu thua thì mất số tiền đã mua số; đánh bao lô ba số và xỉu chủ, tỷ lệ 1/600, tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng.

Đối với đài miền Bắc: đánh "đầu đuôi" tỷ lệ thắng thua là 1/70, tức là khách mua số 1.000 đồng, nếu thắng thì được 70.000 đồng, nếu thua thì mất số tiền đã mua số; bao lô hai số, tỷ lệ thắng thua là 1/80 tức là khách mua số 1.000 đồng, nếu thắng thì được 80.000 đồng; đánh "bao lô ba số" và xỉu chủ, tỷ lệ 1/600, tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng.

Đá 02 số cặp, người chơi mua 02 cặp số có hai chữ số và đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu các giải ra cả 02 cặp số đó thì trúng với tỷ lệ 1/600, tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng.

Để khuyến khích người chơi Trần Đức Duy và Trần Thị M cho người chơi tiền hoa hồng nên số tiền thực tế người mua số đề trả thấp hơn số tiền mua số đề.

Quá trình điều tra, Trần Thị M khai nhận:

Ngày 19/8/2020, M nhận số đề từ Đặng Thị H, số tiền M ghi số đề đài miền Nam (Đồng Nai) là 27.120.000 đồng, căn cứ kết quả xổ số số trúng gồm: bao lô 47, tổng số tiền thắng là 10.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam được xác định là 37.620.000 đồng. M nhận số đề từ Nguyễn Ngọc Châu, ghi theo đài miền Nam (Đồng Nai, Cần Thơ) số tiền là là 9.000.000 đồng, căn cứ kết quả xổ số số trúng gồm: bao lô 53, tổng số tiền thắng là 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam được xác định là 12.500.000 đồng. Ngoài ra, M nhận số đề từ Thuy39 (không rõ nhân

thân, lai lịch), ghi theo đài miền Nam (Đồng Nai) số tiền là 3.550.000 đồng, căn cứ kết quả xổ số số trúng gồm: bao lô 28, tổng số tiền thắng là 700.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam được xác định là 4.250.000 đồng. Như vậy, ngày 19/8/2020, M đánh bạc với Hồng, Châu, Thuy39 đài miền Nam là 54.370.000 đồng.

Ngày 20/8/2020, M nhận số đề từ Đặng Thị H, tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam (Tây Ninh) được xác định là 10.200.000 đồng (không có số trúng), M nhận số đề từ Châu với tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam (Tây Ninh, An Giang) được xác định là 6.840.000 đồng (không có số trúng). M nhận số đề từ Thuy39, số tiền đánh bạc đài miền Nam (Tây Ninh) được xác định là 2.800.000 đồng (không có số trúng). Như vậy, ngày 20/8/2020, M đánh bạc với Hồng, Châu, Thuy39 đài miền Nam là 19.840.000 đồng.

Đặng Thị H và Nguyễn Ngọc Châu khai nhận các ngày 19/8/2020 và 20/8/2020, Hồng, Châu tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với Trần Thị M các đài xổ số Miền Nam phù hợp với lời khai của bị cáo M. Cụ thể: ngày 19/8/2020, Hồng đánh bạc với M với số tiền là 37.620.000 đồng; Châu đánh bạc với M với số tiền 12.500.000 đồng. Ngày 20/8/2020 Hồng đánh bạc với M với số tiền 10.200.000 đồng; Châu đánh bạc với M với số tiền 6.840.000 đồng.

Sau khi phát hiện ra hành vi của M, cơ quan điều tra đã vận động Trần Đức Duy ra trình diện. Trong quá trình điều tra, Trần Đức Duy khai nhận có đánh đề với Trần Thị M từ ngày 14/08/2020 nhưng không còn lưu số liệu cụ thể, riêng hai ngày 19 và 20/08/2020 được M xác nhận, cụ thể như sau:

Ngày 19/8/2020, Duy nhận số đề từ M, số tiền M ghi số đề đài miền Nam (đài Cần Thơ, Đồng Nai) là 29.040.000 đồng, căn cứ kết quả xổ số các số trúng gồm: bao lô số 53, bao lô số 47, bao lô số 12, tổng số tiền thắng là 10.850.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam được xác định là 39.890.000 đồng; số tiền ghi đề đài Miền Bắc là 21.870.000 đồng, căn cứ kết quả xổ số các số trúng gồm: bao lô 76, bao lô 01, bao lô 60, bao lô 13, tổng số tiền thắng là 13.300.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc đài miền Bắc được xác định là 35.170.000 đồng.

Ngày 20/8/2020, Duy nhận số đề từ M, tổng số tiền đánh bạc đài miền Nam (Tây Ninh) được xác định là 13.410.000 đồng (không có số trúng); tổng số tiền đánh bạc đài miền Bắc được xác định là 13.780.000 đồng (không có số trúng). Ngoài ra, trong các ngày từ 17/08/2020 đến 20/08/2020, Duy còn nhận thầu đề từ Mận (chưa rõ nhân thân, lai lịch).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 03/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Trần Đức Duy, Trần Thị M, Đặng Thị H, Nguyễn Ngọc Châu phạm tội "Đánh bạc"; áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt Trần Thị M 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giữ từ ngày 21/8/2020 đến ngày 30/8/2020. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Trần Đức Duy 02 (hai) năm tù, bị cáo Đặng Thị H 09 (chín) tháng tù, bị cáo Nguyễn Ngọc Châu 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 05/02/2021, bị cáo Trần Thị M có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo vì lý do bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, hiện nay bị cáo đang là lao động chính trong gia đình nuôi 03 con nhỏ. Vì vậy mong được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Ngày 08/9/2021, bị cáo Trần Đức Duy có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm ngày 05/4/2021, bị cáo Duy có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Trần Thị M khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Về tố tụng: bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo, do đó kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, từ đó tuyên phạt bị cáo Trần Thị M 03 (ba) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng, bị cáo hết sức ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giám nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo ở nhà nuôi con gái của bị cáo đang có thai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Trần Thị M làm trong thời hạn luật định, phù hợp với qui định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Đức Duy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của bị cáo là hợp lệ, có căn cứ theo qui định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đức Duy.

[2] Về nội dung:

2.1 Về tội danh: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với vật chứng của vụ án, biên bản phạm tội quả tang, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 15/8/2020 đến 20/8/2020, tại thành phố Bà Rịa, bị cáo Trần Đức Duy đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với Trần Thị M nhiều

lần và đối tượng tên Mận (chưa rõ xác định nhân thân, lai lịch); theo kết quả xổ số các đài Miền Nam và Miền Bắc. Trong thời gian từ ngày 19/8/2020 đến 20/8/2020, Trần Thị M đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với Đặng Thị H 2 lần, với Nguyễn Ngọc Châu 2 lần, Thuy 39 là 2 lần. Theo hướng dẫn tại mục 4, mục 5 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền dùng để đánh bạc của bị cáo Trần Thị M được tính như sau:

Ngày 19/8/2020, theo kết quả đài Miền Nam thì Trần Thị M đánh bạc với Hồng là 37.620.000 đồng; với Châu là 12.500.000 đồng; với với Thuy 39 là 4.250.000 đồng. Tổng cộng 54.370.000 đồng.

Ngày 20/8/2020, theo kết quả đài Miền Nam thì Trần Thị M đánh bạc với Hồng là 10.200.000 đồng; với Châu là 6.840.000 đồng; với Thuy39 là 2.800.000 đồng. Tổng cộng 19.840.000 đồng.

Hành vi của Trần Thị M thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

2.2 Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị M xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn có tiền mà không cần phải lao động nên đã cá cược ăn thua bằng hình thức ghi số đề với các con bạc khác nhiều lần nên cần tuyên phạt một mức án nghiêm khắc để đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là chưa có sự phù hợp dẫn đến việc mức án tuyên phạt các bị cáo có sự không tương xứng với nhau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xem xét lại cho phù hợp với nội dung của vụ án.

Đối với hai bị cáo Trần Thị M và Trần Đức Duy: ngày 20/08/2020, sau khi bị cáo M bị cơ quan Công an kiểm tra hành chính và phát hiện hành vi đánh đề, M đã khai nhận có ghi số đề cho các con bạc khác và chuyển cho Trần Đức Duy. Căn cứ lời khai của M, cơ quan Công an đã vận động và Duy đã ra trình diện, khai nhận có hành vi thầu đề như lời khai của bị cáo M. Như vậy, trong vụ án này, cần xác định bị cáo Duy là bị cáo đầu vụ, có vai trò lớn nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo Duy các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại các điểm s, r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự thú hành vi thầu đề với bị cáo M và đối tượng tên Mận (không rõ nhân thân, lai lịch) từ đó áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Duy 02 năm tù. Trong khi đó, bị cáo M cũng có các tình tiết giảm nhẹ tương tự như thành khẩn khai báo, tự thú ra hành vi ghi số đề đối với đối tượng tên “Thuy39” (không

xác định được nhân thân, lai lịch, không lấy được lời khai của "Thuy39") nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng qui định tại điểm r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không được áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự dẫn đến việc khi lượng hình, dù có nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ giống nhau nhưng bị cáo đầu vụ lại có mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo còn lại là không đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo. Do vậy, sau khi xem xét toàn bộ hành vi, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định áp dụng thêm cho bị cáo M tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, bị cáo M là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là người có trình độ văn hóa thấp (mới học hết lớp 04/12), hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi 03 con nhỏ, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo Trần Thị M có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo qui định tại Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt. Vì những lý do trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống bình thường của xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật để cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội.

Ngoài ra, trong vụ án này, bị cáo Đặng Thị H tham gia với vai trò và tính chất hành vi ngang với bị cáo Nguyễn Ngọc Châu và nhẹ hơn bị cáo M. Vì vậy, khi xem xét giảm án cho bị cáo M thì Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng xem xét luôn phần hình phạt của bị cáo Hồng cho phù hợp. Xét thấy, bị cáo Đặng Thị H là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng của bị cáo tham gia quân đội tại chiến trường Tây Nam sau năm 1975, hiện phục viên và đang hưởng chế độ tại địa phương. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cũng không cần thiết phải cách ly bị cáo Hồng ra khỏi cuộc sống bình thường của xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Trần Thị M và bị cáo Đặng Thị H đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không buộc các bị cáo phải khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đình chỉ

xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Đức Duy.

2. Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm đ Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị M, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thị M:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 321; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Trần Thị M 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Nhưng được khấu trừ 27 ngày quy đổi theo thời gian tạm giữ từ ngày 21-8-2020 đến ngày 30-8-2020 (09 ngày). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ Điều 345, điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm đ Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị H:

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Đặng Thị H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. Bị cáo Trần Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh BR – VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR – VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR – VT;
- TAND Tp Bà Rịa;
- VKSND Tp Bà Rịa;
- Công an Tp Bà Rịa;
- Chi cục THA dân sự Tp Bà Rịa;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Các Bị cáo;
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thái Hùng